

Những Đóa Hoa Cấm của Gunnar Seidenfaden

Xin thành thực cảm ơn cô Phạm Hào ở Seattle đã gửi cho bản dịch “The Forbidden Flowers of Gunnar Seidenfaden” trong cuốn Orchid Fever do Eric Hansen tiết lộ những chuyện động trời về sự rắc rối giữa CITES và các nhà khoa học nghiên cứu về lan.

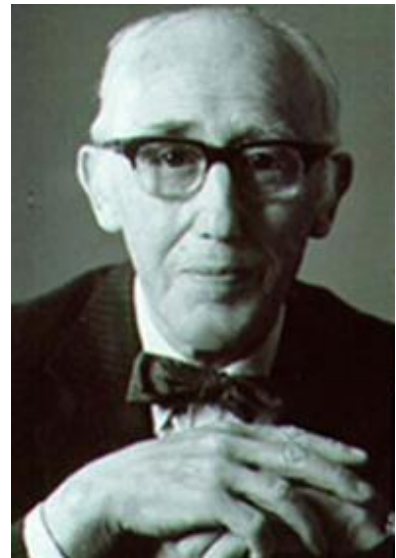
Với lời dịch thanh thoát và sát nghĩa, chúng tôi ước mong sẽ được cô Hào cho thưởng thức tiếp những bài khác.

Chuyến tàu đêm mang tôi từ Amsterdam vừa đến Copenhagen lúc trời hừng sáng, trong lúc tôi còn đang mơ màng giấc điệp.

Tôi vốc nước rửa mặt, nhặt cái túi hành lý và đổi xe lửa cho chuyến Bắc du đến Elsinore, ở đây tôi gọi điện thoại cho Tiến Sĩ Gunnar Seidenfaden để cho Cụ biết là tôi đã đến nơi. Cụ đã cho người mang xe ra đón và trong khi đứng chờ xe, tôi cứ áy náy là không biết tôi sẽ ngủ ở đâu đêm nay.

Trong một lá thư viết cho Tiến Sĩ Seidenfaden, một bức trường lão tuổi gần kề chín mươi, tôi có hỏi Cụ là quanh quần đảo đó gần nhà Cụ có cái khách sạn nhỏ nào để tôi có thể tạm trú vài ba ngày trong khi thăm viếng Cụ, mục đích là để mạn đàm về hoa lan. Cụ hồi âm bảo là Cụ có thể cung cấp chỗ ở cho tôi tại nhà cụ, nhưng tôi vẫn cảm thấy không mấy thoải mái về việc làm phiền Ông cụ chưa từng gặp gỡ này bao giờ.

Tôi chẳng phải chờ lâu, đã thấy một chiếc xe trở tới trước ga xe lửa. Ở chỗ ngồi của tài xế, tôi thấy một phụ nữ khá xinh đẹp đang vẫy tôi. Cô là Katja, thư ký của Tiến Sĩ Seidenfaden. Cô nói tiếng Anh rất lưu loát. Trong khi lái xe xuống con đường chỉ có hai chiều để vào vùng quê có những ngọn đồi xanh chập chùng và những trang trại nằm rải rác, Cô nói là Cụ Seidenfaden rất mong được gặp tôi.



Chúng tôi vặn cửa xe xuống, một ngọn gió hè ấm áp hiu hiu lùa vào xe, chan hòa mùi thơm của rạ mới cắt. Chúng tôi nói chuyện về Tiến Sĩ Seidenfaden và những công trình nghiên cứu về hoa lan của cụ, nhưng khi tôi nhắc nhở đến mối bận tâm của tôi về chỗ nghỉ đêm, Katja chỉ cười vang và bảo tôi đừng có lo. Chúng tôi đi theo một con đường ngoằn ngoèo để vào làng, ở đây chúng tôi quẹo vào một con đường dài, hẹp bao bọc bởi những hàng cây cao vút, đầy bóng râm.

Ngay ở chỗ quẹo, tôi chú ý thấy một bảng nhỏ đề là “Borscholmgard”. Tôi không nhận ra ngay, cho đến khi một dãy trại bằng đá trắng lệ và một tòa nhà oai nghiêm đập vào mắt, lúc ấy tôi mới vỡ lẽ ra là mình đang ở trên một con đường riêng dẫn đến đồn điền của Tiến Sĩ Seidenfaden, đồn điền này tên là Borsholmgard.

Chúng tôi ngừng xe ngay trước cửa nhà, Katja tắt máy xe, và chúng tôi bước vào một khu vườn rộng ngập tràn ánh nắng, ngào ngạt mùi thơm của những cây hồng leo, loại hoa hồng xưa của người Anh.

Ngoài xa là dãy trang trại và gần những bóng cây râm mát, một con đường đất dẫn vào những cánh đồng. Trên con đường này, một chiếc xe tractor đang chạy, để lại đằng sau những đám bụi nhỏ. “*Chắc ông không nghĩ là ông sẽ đến một chỗ như thế này đâu nhỉ*” và cô cười ròn rã. Một người giúp việc xuất hiện ở cửa chính. Bà chào chúng tôi và sau khi trao đổi vài câu ngắn ngủi với người này, Katja từ giã tôi và trở lại xe của Cô. Bước vào dãy hành lang mát lạnh, tôi tưởng là sẽ được gặp Tiên Sĩ Seidenfaden, nhưng người giúp việc cho tôi biết là Cụ đang ngủ



trưa. Bà ta dắt tôi đến phòng của tôi, phòng này chiếm nguyên một mé lâu, từ đây có thể thấy một phần hồ, và một khuôn viên rộng đầy cây cao bóng mát, những lùm cây và những khóm hoa được xếp đặt một cách rất mỹ thuật. Ở hành lang bên ngoài phòng của tôi, tôi chăm chú ngắm nghía những bức ảnh đen trắng được đóng khung treo trên tường, những ảnh này chụp Tiên Sĩ Seidenfaden ở miền rừng núi của miền Bắc Thái

Lan. Căn cứ vào số thổ dân miền núi đang khuôn vác những dụng cụ và những hành lý, tôi có thể nói đây thật sự là một cuộc lữ hành. Một tấm ảnh trong đó Tiên Sĩ seidenfaden đang ôm một con trăn khổng lồ, một tấm khác chụp Cụ đang ngồi ở trên một cái bàn có thể gấp lại được, ở đây cụ đang chăm chú xem xét một cái cây nhỏ hoặc một côn trùng gì đó bằng một cái kính hiển vi.

Để lấp đầy khoảng thời gian chờ đợi, tôi lân la xuống thư viện ở tầng dưới, và tôi tình cờ tìm thấy một quyển sách cực hiếm, có tên là “*The voyage of Governor Arthur Phillip to Botany Bay*”, ấn bản lần đầu tiên. Được in vào năm 1789, sách này tường thuật lại cuộc hải hành vào năm 1787-88 của con tàu “*First Fleet*” mang những người tù khổ sai đi lưu đày ở Úc. Trước khi in, sách đã được bán từng phần một, sự việc này xảy ra rất thường vào thời bấy giờ. Và tôi khó khăn lắm mới kiếm chế được sự háo hức được cầm trong tay bản in đầu tiên của quyển sách này. Cái cảm giác khi chạm vào quyển sách, cái mùi sách, cái bìa sách, những trang sách mạ vàng, những cái vân trên những trang sách làm tôi có cảm tưởng đang sống lùi lại hơn hai trăm năm về trước.

Vào thập niên 1980, tôi sống ở Sydney trong vòng ba năm. Trong khoảng thời gian đó tôi đã nghe về quyển sách này nhưng tôi chưa được thấy và đọc cho đến buổi chiều nay trong thư viện của Tiên sĩ Seidenfaden. Trong quyển sách có những bản hải đồ được gấp lại, những bản khắc về Botany Bay với những hình vẽ của mười chín con chim, chín loại động vật có vú, một con thằn lằn, bốn con cá, hai thổ dân Aborigines và một cái cây không phải là cây lan. Tôi ngồi xuống một cái ghế bọc nệm trong một góc có ánh nắng chiếu vào của thư viện và trong khoảng mấy tiếng đồng hồ tôi đắm chìm trong sự miên man suy ngẫm về lịch sử của những người Âu Châu bị lưu đày ở Úc.

Quá trưa, vẫn chưa thấy tăm hơi gì của Tiên Sĩ Seidenfaden và tôi bắt đầu nghĩ là không biết Cụ có đủ sức khỏe để tiếp khách hay không? Tôi đến đây để nói chuyện với Tiên Sĩ Seidenfaden vì Cụ đã bị rắc rối về những cây lan còn sống gửi đến cho Cụ từ Bangkok.

Vài tháng trước, Tiến Sĩ Seidenfaden đã gửi cho tôi một xấp tài liệu để giúp tôi hiểu rõ công việc của Cụ, và bây giờ khi tôi ngồi trong thư viện này, tôi đọc lại bản sao của một lá thư viết bởi Gren Lucas năm 1993, người này là quản thủ thư viện và coi sóc vườn cây thuốc ở Kew. Đó là một lá thư bênh vực để giúp Tiến Sĩ Seidenfaden tránh khỏi tình trạng khó khăn oái ăm này. Lá thư giải thích là Tiến Sĩ Seidenfaden được thế giới công nhận là một nhà chuyên môn về hoa lan, đặc biệt cho Thái Lan và vùng Đông nam Á và Cụ đã hiến dâng đời Cụ cho việc nghiên cứu những cây lan với sự cộng tác hoàn toàn của những quốc gia liên hệ. Giáo Sư Lucas tiếp tục viết rằng những sách đã xuất bản và những sự nghiên cứu trong hơn 50 năm đã cung cấp và xây dựng một nền tảng cho sự hiểu biết về những giống lan mọc ở vùng này. Ông ta đi xa hơn, vạch rõ ra rằng việc làm của Tiến sĩ Seidenfaden chủ yếu là về vấn đề bảo tồn hoa lan và việc này không dính líu gì tới những vụ buôn bán hoa lan bất hợp pháp. Ông cũng đề cập đến lý do vì thiếu những nhà chuyên môn như Tiến Sĩ Seidenfaden ở Thái Lan và vùng Đông Nam Á thành ra không ngạc nhiên gì nếu những nhà thực vật học và sinh viên thỉnh thoảng gửi hoa mẫu cho Tiến Sĩ Seidenfaden. Lá thư cũng tiếp tục giải thích là Professor Lucas và Tiến Sĩ Seidenfaden đã góp công vào việc hình thành CITES ở Hoa Thịnh Đốn năm 1973. Để kết luận, ông thành khẩn mong mỏi là Tiến Sĩ Seidenfaden sẽ được phép tự do tiếp tục việc làm quan trọng của Cụ trong lãnh vực nghiên cứu và bảo tồn hoa lan.

Khoảng chừng 4 giờ chiều, một cụ già, một tay chống gậy, một tay cầm một bọc ny lông đựng đầy bánh mì khô xuất hiện ở trước cửa thư viện. Đó là Tiến Sĩ Seidenfaden, và với một giọng nói yếu ớt Cụ tuyên bố là Cụ sẵn sàng đi cho vịt ăn. Cụ đi đứng khó nhọc quá, vì thế tôi xách bọc bánh mì khô và chúng tôi chậm chạp đi ra hồ. Khi cả hai đã ngồi một cách an toàn trên cái băng dài cạnh bờ hồ, cụ chủ nhà bắt đầu kể lể chuyện hôn nhân của ba con vịt hoang. Theo sự tính toán của tiến sĩ Seidenfaden, anh vịt đực đã bỏ bê cô vợ đầu tiên vì cô này không đẻ cho anh ta một mống vịt con nào cả. Cô vợ thứ hai được thả vào hồ với anh vịt đực, nhưng kết quả cũng vẫn không khá hơn chút nào. *“Ha..a, vẫn chẳng có con vịt con nào cả.”* Gunnar cười khúc khích. *“Tôi nghĩ vấn đề rắc rối này có lẽ là kết quả từ một khuyết điểm nào đó trên thân thể của anh vịt đực này.”* Rồi Cụ kể cho tôi bao nhiêu là chuyện về vịt, dựa vào sự quan sát của Cụ từ những tháng trước đây và dạy tôi nghệ thuật ném bánh mì vào hồ cho vịt. Khi đàn vịt bơi đến gần hơn, Cụ bắt đầu kêu *“Quack, quack”* và đàn vịt trả lời quack, quack lại. Và sau đó là một trận nói chuyện về vịt được kéo dài.



Lúc đó tôi bắt đầu nghĩ đến việc đón xe lửa về Copenhagen sáng ngày mai. Việc cho vịt ăn của chúng tôi chấm dứt, tôi nắm cánh tay của Cụ và dìu Cụ trở vào nhà, ở đây Cụ biến mất cho đến giờ ăn tối. Sau một bữa ăn lặng lẽ, Tiến Sĩ Seidenfaden cáo lỗi để đi nghỉ, nhưng Cụ nói tôi sẽ gặp Cụ ở phòng làm việc của Cụ lúc 10 giờ tối. Lúc Cụ trở lại, tôi khó khăn lắm mới nhận ra Cụ. Cụ mặc một cái áo sơ mi ủi thẳng nếp với một cái nơ bằng lụa ở trên cổ. Cụ mới cạo râu, trông tinh tươm, minh mẫn và linh hoạt. Nhìn Cụ lúc này không còn dấu vết gì của một cụ già lom khom mà tôi đã dắt ra hồ cho vịt ăn chiều nay. Cụ với lấy cái tủ thuốc lá và chẳng bao lâu cả căn phòng tràn ngập mùi thơm ngọt ngào của thuốc hút thượng hảo hạng.

“Bây giờ tôi khởi sự làm việc trễ hơn lúc trước một chút,” Gunnar vừa giải thích như vậy vừa rót ra hai ly rượu ngọt. Mười giờ đêm là giờ bắt đầu của một ngày làm việc của Cù và trong vòng ba đêm kế tiếp chúng tôi gặp nhau ở phòng làm việc của Cù, cùng giờ này, nói chuyện và uống rượu ngọt cho đến hai hay ba giờ sáng.

Ngồi ở bàn làm việc của Cù, Gunnar trông giống như một centerpiece giữa một căn phòng chung quanh lát gỗ, đầy tràn những kỷ vật, những món quà từ bao nhiêu chuyến du lịch của Cù vòng quanh thế giới. Một bộ da trần khổng lồ (con trần trong bức ảnh ở trên lầu) bị che đi một phần bởi một bộ sưu tập nón, mũ của miền Đông Nam Á. Những bộ giáo, những kiếm, ná, kiếm, rìu. Một cái dù của Miền Điện thơm mùi vải bố, những nhạc cụ, những tài liệu được đóng khung, những hình ảnh, những bản in về thực vật phủ hết một bức tường giữa những kệ sách cao chất đầy những sách bằng da và đủ loại tủ chứa tài liệu. Ở giữa một chỗ làm việc hỗn độn một cách ngăn nắp này có đặt một bức tượng điêu khắc của Thần Voi Ganesh và một tượng Thần Shiva của Ấn Độ.

Đây là một phòng làm việc ảm cúng. Một bình hoa hồng tươi được bày một phía của cái bàn giấy bừa bộn, ở đây có một cái bút chì chỉ còn phân nửa phác họa một mẫu hoa lan nằm trên tấm bảng để viết bằng da màu xanh lá cây. Những tấm thảm phủ trên một sàn nhà bằng gỗ sồi hình xương cá, một cái lò sưởi đang xì hơi dưới những cái cửa sổ cao, từ đây có thể nhìn thấy một



khuôn viên trải sỏi không được sáng sủa lắm. Một cái kính hiển vi, những cuộn giấy vẽ, những chồng thư từ cao ngất nhận được từ ngoại quốc. Đủ loại kính hiển vi, và những tập báo cũ như *Times Literary Supplement* và *The Economist* vắt rải rác cùng những chậu hoa lan đang nở. Dưới hầm nhà, Gunnar chứa hơn 10,000 cây lan mẫu được ướp trong rượu còn và được dán nhãn một cách cẩn thận và đầu đó trong căn nhà rộng mênh mông này cù chứa những giấy tờ, một số văn khố lớn về thư từ cá nhân và những tài liệu khoa học.

Gunnar bắt đầu cuộc du hành của Cù từ lúc còn là một thanh niên vào mùa Hè năm 1928, khi Cù tham dự vào một loạt những cuộc thám hiểm về khoa học ở Greenland. Cù là một sinh viên về ngành Lịch Sử Thiên Nhiên Khoa học ở đại học Copenhagen, nhưng vào những mùa Hè kế tiếp Cù dùng hết thì giờ ở Greenland cho nên Cù không rảnh để nhớ hết tên những loài hoa dại của Đan Mạch.

Chúng ta phải cảm ơn vì sau đó Cù thi rớt và cuối cùng đi học ngành Chính Trị Học. Năm 1934, Gunnar đến Thái Lan để thăm ông bác của Cù, Erik Seidenfaden, ông này làm việc ở đó như là một nhà nghiên cứu về phong tục. Gunnar ở đó 6 tháng, trong khoảng thời gian này Cù bắt đầu chú ý đến hoa lan. Sự say mê loài hoa này của Cù kéo dài nhiều năm, và khi Cù trở lại để làm đại sứ Đan Mạch ở Thái Lan năm 1955. Cù đã tham gia vào những chuyến đi săn hoa lan và bắt đầu hệ thống hóa công việc nghiên cứu loại hoa này của vùng Đông Nam Á. Năm 1965, Gunnar viết chung quyển sách *The Orchid of Thailand* với bạn của Cù, Tem Smitinand, người này làm việc cho Royal Thai Forest Department. Gunnar bảo tôi rằng những cái ảnh trắng đen hành lang

nằm ngoài phòng ngủ của tôi là có từ cuộc thám hiểm về thực vật lần thứ tư của Thái Lan và Đan Mạch năm 1963, cuộc thám hiểm này là cuộc hành trình cuối cùng vào vùng rừng núi ẩm ướt hẻo lánh của miền Bắc Thái Lan.

Trong cuộc nói chuyện của chúng tôi vào đêm đầu tiên, Gunnar giải thích là Cù đã làm việc cho Bộ Môi Trường và Tài nguyên của Đan Mạch trong vòng nhiều năm sau khi về hưu từ Bộ Ngoại Giao. Cù là đại diện cho Đan Mạch ở hội nghị quốc tế về Ô Nhiễm ở biển Baltic và Cù được công nhận là một chuyên viên về môi trường Ô nhiễm của Thảo mộc và Động Vật ở Âu Châu. Năm 1973, Cù được chọn là một nhà chuyên môn về hoa lan, người đã giúp cho the Original CITES (Convention of International Trade in Endangered Species) legislation để bảo vệ những loại cây có nguy cơ diệt chủng. Cù được chính phủ Đan Mạch trọng vọng đến nỗi Bộ Môi trường lấy tên Cù đặt cho chiếc tàu chỉ huy của những tàu trực thuộc là MS Gunnar Seidenfaden.



Một trong những chuyện đầu tiên tôi muốn thảo luận với Tiên Sĩ Seidenfaden là sự liên can của cù với sự sáng lập của CITES và làm sao mà những loại cây có nguy cơ diệt chủng lại bị kể vào trong hiệp ước.

Gunnar giải thích lúc bắt đầu của IUCN ở Thụy Điển, kể cả NGOs và chính phủ quyết định rằng có thể giúp cho việc bảo tồn những loài cây có nguy cơ diệt chủng bằng cách kiểm soát sự buôn bán thú rừng và thảo mộc hoang dã qua những miền biên giới giữa các nước. Cù vạch rõ ra cho tôi **đây là một thỏa hiệp về buôn bán chứ không phải là một thỏa hiệp về sự bảo tồn, chú ý để những đặc chủng có nguy cơ bị tiêu diệt.**

Vì vậy cuộc hội nghị ở Washington vào năm 1973 được mở ra. Gunnar nói, nhưng khởi thủy chỉ là về thú vật, không phải về thực vật. Thực Vật bất thành linh được khơi ra hai tuần trước cuộc họp. Sự quyết định ở giờ phút chót đã xác định là thực vật cũng phải được kể vào danh sách của đời sống hoang dã. Như sự thể đã xảy ra, không có một sự chuẩn bị nào để cho thực vật được xếp vào một phần của CITES. Chỉ có một vài nhà thực vật học ở trong hội nghị này, có Gren Lucas đến từ vườn Bách thảo Kew, tôi, và một vài người nữa. Những người còn lại toàn là những nhà ngoại giao và các bộ trưởng chính phủ và vân vân...

Các nhà thực vật học đều đồng ý là chúng tôi có ít người quá và chúng tôi biết quá ít về sự việc để có thể thành lập một hiệp ước về thực vật trong thời gian hội họp. Vào lúc bế mạc của hội nghị, chúng tôi đã phát biểu rằng thực vật đã không được đối xử công bằng lắm trong hội nghị vì chúng tôi không được cung cấp đủ thời gian để chuẩn bị. Chúng tôi cũng đã thấy có quá nhiều vấn đề trong hiệp ước này. Chúng tôi có đề nghị là những quốc gia đã ký trong hiệp ước nên có một hội nghị để nghiên cứu về phần thực vật, nhưng sự việc này chẳng khi nào thực hiện được. Thực vật bị xử chung một quy chế dùng cho động vật. Tiên Sĩ Seidenfaden tiếp tục thảo luận về thế nào mà sự thể được đề ra ở cuộc họp CITES sau hội nghị ở Hoa thịnh đốn.

Trong những cuộc họp này họ nói chuyện về rùa, về cá sấu, về dơi, về cọp và họ nói rất ít về thực vật. Tất cả mọi chuyện đều do giới chức thuộc về hành chính quản xuyên, đặc biệt là Thị trường chung Âu Châu và những người này chỉ là những người làm luật, **họ không phải là những khoa học gia.** Chúng tôi phản đối rằng mỗi quốc gia nên có một CITES quản lý có quyền hạn về CITES cũng như quyền hạn về khoa học, và phải khẳng định là hai sự việc này nên bổ xung cho nhau.

“Ở Đan Mạch chúng tôi không có quyền hạn về khoa học. Và đây là một điều sai lầm to tát. Vì vậy sự việc này có nghĩa là những gì xảy ra được xem xét bởi những người làm việc văn phòng. Ở Bỉ, những người làm ra những điều luật chính thức cần được lưu tâm đến những yếu tố căn bản của thực vật học. Cũng vì vậy chúng tôi rời khỏi CITES và không tham dự những cuộc họp được tổ chức hai năm một lần. Nhưng theo những bản tin gần đây thì chúng ta thấy rất rõ ràng là đã có những điều tiến triển về phần thực vật. Bây giờ họ đã bắt đầu thấy rằng những gì họ đã làm là hoàn toàn sai.”

Vào những năm vừa qua, Gunnar dành hầu hết thì giờ của Cụ cho đám cháu nội ngoại, nào là kể cho các cháu về chuyện con trăn khổng lồ, chuyện đối đầu với những con cọp, và lịch sử của vùng Đông Nam Á. Thì giờ ít ỏi còn lại Cụ dùng để viết một cuốn sách mới về hoa lan của Thái Lan. Để hỗ trợ cho công việc của Cụ, những sinh viên trẻ, những nhà thực vật học, những chủ vườn lan ở Thái Lan, Ấn Độ và Âu Châu gửi đến cho Cụ những hoa lan mẫu để nhận dạng và đó là chuyên hàng gửi cây lan còn sống đưa Gunnar đến sự rắc rối với luật pháp.

“Là một khoa học gia,” Gunnar nói, “tôi sống trong sự lo lắng triền miên là những người có thẩm quyền đang sửa soạn ngăn chặn sự trao đổi hoa lan trên toàn thế giới, mà điều này là sự quan hệ đến khoa học, mấy người này khó chịu lắm, và tôi cóc cần đến họ.”

Nhân viên Quan thuế của Đan Mạch không ngừng tịch thu những kiện hàng có chứa hoa lan của Cụ, và Cụ rất ít khi khấn cầu, năn nỉ mà cứ để cho họ tịch thu. Gunnar giải thích là tất cả những cây lan này bị đưa vào trại tập trung của cây cối, và ở đấy những cây hoa này chết dần chết mòn vì sự chênh mảng bỏ bê. Những cây lan được gửi đến cho Gunnar bởi những sinh viên và hầu hết những cây lan này là những giống đặc hữu mới tìm ra.

Đối với luật pháp của Đan Mạch, vấn đề trao đổi khoa học về cây cối này là bất hợp pháp. Gunnar bị thất vọng và lúng túng bởi sự việc không được làm sáng tỏ, quy định sự điều chỉnh những quy chế bảo tồn của CITES mà cụ đã dự phần để thành lập 24 năm về trước. Trong một lá thư đề ngày 10 tháng 5, năm 1992, gửi cho Eric Hagsater, lúc đó là Chủ Tịch của IUCN Word Conservation Union Orchid Specialist Group, Cụ phàn nàn là CITES đã bành trướng một lực lượng cảnh sát quan liêu, thống trị bởi những người làm luật chẳng hiểu gì về cây cối và bị ám ảnh với những lập luận tinh vi và pháp lý nguy hiểm.

“Hội nghị đó chẳng bao giờ có dụng ý tiêu diệt sự hợp tác quốc tế giữa những nhà khoa học.” Gunnar giải thích: “Tôi không phải là một nhà buôn để làm hại cây cối. Tôi là một khoa học gia cố gắng giúp đỡ để bảo tồn bằng cách khám phá ra những loại lan mà chúng ta có trên thế giới. Đó là việc của tôi.”

Tôi hỏi Gunnar về những trở ngại gay go bây giờ của Cụ. Cụ giải thích là bất chấp điều lệ của CITES là cho phép những quốc gia thành viên miễn cho các khoa học gia và các cơ quan nghiên cứu khoa học những điều kiện tất yếu của giấy phép xuất nhập cảng, chính phủ Đan Mạch đã quyết định không thi hành. Và nếu Scientific CITES có hệ thống giấy phép này, những sinh viên và những nhà trồng lan ở Thái Lan và ở những quốc gia khác cũng cần giấy phép này của CITES (rất tiếc điều này họ không được phép) để mà xuất cảng những cây lan. Gunnar vạch rõ ra rằng tất cả những sự trao đổi những cây lan trong vòng khoa học ở Đan Mạch cứ tiếp tục diễn tiến mà không có giấy phép nào của CITES *“vì hành động ngu si này, tất cả những nhà thực vật học ở Đan Mạch đều là những người phạm tội, nhưng chỉ có cách đó chúng tôi mới làm việc được.”*

Một đêm, Cụ kể cho tôi nghe một câu chuyện hào hứng về một vụ trao đổi khoa học giữa những nhà thực vật học. Chuyện đó xảy ra vào năm 1981, Ger van Vliet, lúc ấy là Giám Đốc Vườn Bách Thảo ở trường Đại Học Leiden ở Hòa Lan, cùng với El de Vogel (đó là một nhà thực vật học, người mà nhiều năm sau này đã phụ giúp Phillip Cribb trong vụ bố ráp vườn lan Popow ở Đức), lái xe đến nhà của Gunnar để tìm vài loại lan để bổ khuyết cho bộ sưu tầm Coelogyne và Bulbophyllum ở Leiden. Ger van Vliet đến cùng với El de Vogel, Gunnar kể lại, *“họ mang đến cho tôi một chai rượu mạnh gọi là Genever. Tôi thì thích loại rượu ngon Bordeaux hơn, nhưng không biết trời xui đất khiến nào mà tôi lại đưa mấy người này đến cái Green House trồng lan của tôi ở Copenhagen và họ đã tịch thu hết những cây lan mà họ muốn. Họ đã lấy tất cả những cây mà họ muốn tìm, và bỏ vào trong một cái bao ny lông lớn và gửi về Hoà Lan.”*

Tôi hỏi Gunnar là chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi đi qua biên giới với một bao đầy lan như vậy. Việc này có hợp pháp không? *“Tôi nghĩ là không,”* Cụ trả lời. *“Sự mang những cây lan mà CITES cấm vượt qua hai biên giới là vi phạm luật. Nhân viên quan thuế của Đan Mạch đòi hỏi một giấy phép nhập cảng của CITES và đó là vấn đề mà tôi và Van Vliet chưa khi nào bàn đến. Họ tịch thu những cây lan của tôi và dồn vào cái bao ny lông và chỉ có vậy thôi.”*

Bây giờ tất cả chúng tôi là thành viên của Thị Trường Chung Âu Châu, nên không có nhân viên quan thuế nào ở biên giới kiểm soát những thứ này, nhưng như vậy không có nghĩa là việc này là hợp pháp. Từ năm 1770, có một sự tự do trao đổi cây cối giữa Đan Mạch và Leiden, và sự đổi chác này cứ xảy ra như vậy từ khi có sự nghiên cứu về hoa lan bắt đầu cho đến khi CITES thành hình. Chúng tôi thường gửi cả trăm cây lan mẫu cho các viện bảo tàng và vườn bách thảo ở ngoại quốc để họ nghiên cứu, và chúng tôi lại nhận lại những cây lan khác, và đó là sự thể xảy ra như vậy. Đó là một truyền thống xa xưa, xảy ra cả bao nhiêu thế kỷ, nhưng bây giờ, việc này là bất hợp pháp.

Năm tháng sau khi trở lại Hòa Lan, Ger van Vliet gửi cho Gunnar một lá thư cảm ơn lời lẽ rất tử tế, kèm theo là một danh sách đầy chi tiết về những cây lan đã đến vườn bách thảo Leiden an toàn để dùng cho việc gây giống và nghiên cứu của Vogel. Ông ta cũng đề cập đến những cây nào đang ra hoa và những cây nào đang ra hạt.

Nhiều năm trôi qua trước khi Gunnar bắt đầu gặp khó khăn về sự nhập cảng hoa lan mẫu cho vấn đề nghiên cứu của Cụ, đó là một người đàn bà, người mà Gunnar chỉ ám chỉ là “người phụ nữ sắt đá” đã hoàn toàn kiểm soát sự cai quản của CITES ở Đan Mạch. Sự quan tâm chính của Bà là người duy trì tiền trợ cấp cho các nhà nông Đan Mạch từ văn phòng liên bang Âu Châu ở Brussels, nhưng Bà ta cũng làm một việc quan trọng là kiểm soát những chủ vườn lan và làm

khó khăn cho những nhà thực vật học như Gunnar. Vào lúc này, van Vliet đã lên chức, trở thành một viên chức chỉ huy trông coi về cây cối của trụ sở chính của CITES nằm ở Genève. Ông ta đã trở thành một trong những người có nhiều quyền thế trên thế giới có ảnh hưởng đến sự trao đổi những cây hiếm. Vì vậy Gunnar gọi cho người bạn cũ và cũng là đồng nghiệp của Cụ để xem ông này có thể làm gì để bảo vệ cho những nhà thực vật học Đan Mạch. Trong thư trả lời của ông, van Vliet nói rằng sự việc đó tùy thuộc vào chính quyền Đan Mạch và Cụ phải tôn trọng luật lệ. “*Luật lệ,*” Gunnar cười lớn, “*chuyện gì mà vô lý vậy, để tôi nói cho ông nghe về Tiến Sĩ Van Vliet và luật lệ.*” Gunnar trở nên sinh động khi nói về chuyện này, như là những kỷ niệm cũ trở lại với Cụ. Cụ rót thêm hai ly rượu ngọt và tiếp tục câu chuyện.

*“Vào giữa năm 1980, tôi bắt đầu việc khảo cứu nhận dạng một loài hoa lan của Thái Lan trông rất giống như *Brachypeza laotica*, tôi chỉ có vài cái lá chết đã rời ra, những thứ này không đủ để tôi hoàn thành việc nghiên cứu này, hoặc là xác định đây là một giống lan mới tìm được. Vì vậy, tháng 6, năm 1992, tôi viết cho ông Suphachadiwong, một người bạn của tôi, ông này là một nhà kinh doanh đáng nể về hoa lan ở Bangkok. Tôi hỏi ông ta gửi cho tôi một cây lan còn sống để nghiên cứu. Ông Suphachadiwong viết lại cho tôi bảo rằng gần đây ông ta có 16 cây lan loại này, nhưng ông ta không thể gửi cho tôi một cây nào được vì ông ta mới có một người làm việc cho CITES đến thăm, tên người này là Ger van Vliet.”*

Gunnar tiếp tục giải thích rằng van Vliet đã nói với ông Suphachadiwong rằng nếu ông muốn trở thành một người bạn của CITES, ông phải ngưng ngay việc xuất cảng tất cả những loại lan thu lượm được ở trong rừng. Ông Suphachadiwong đồng ý như vậy, nhưng khi ông ta hỏi van Vliet rằng ông phải làm gì với 16 cây hoa lan ông đã lấy từ trong rừng, van Vliet nói với người chủ vườn lan này là nên gửi hết những cây lan này cho vườn bách thảo ở Leiden. Tháng 5, năm 1992, ông Suphachadiwong đã “hiển” tất cả những cây này cho vườn bách thảo Leiden.



Khi tôi hỏi Tiến Sĩ van Vliet về chi tiết của câu chuyện, ông hỏi âm nhưng phủ nhận tất cả những sự dính líu vào việc này. Ông ta cũng nói với tôi rằng ông thấy là không có lý do gì để bình luận về việc giải thích này với Tiến Sĩ Seidenfaden hay bất cứ ai. Thư trả lời của ông ta có một câu đầy sự khiêu khích. “*Thật là một sự thích thú để thấy bao nhiêu sự thật và bao nhiêu sự tưởng tượng trong sách của ông.*” Trong lá thư đề ngày 24 tháng 6, năm 1993, viết bởi Heike Suphachadiwong gửi cho Tiến Sĩ Seidenfaden về vấn đề không gửi được cây lan *Brachypeza laotica*, ông ta viết thật rõ ràng là: “*Vào tháng 5 năm ngoái, chúng tôi đã biếu những cây lan giống cho vườn bách thảo Leiden, sự quan hệ này được thực hiện bởi Tiến sĩ Ger van Vliet, người phụ trách về phân cây cối của CITES.*”

Nhưng đó không phải là đoạn kết của câu chuyện này. Gunnar quá thất vọng vì không có cách nào hoàn tất công việc của cụ vì thiếu cây, vì vậy Cụ gửi thư cho vườn bách thảo Leiden để yêu cầu một trong những cây lan bị cướp giật này dù là một cây lan sống hay một cây lan khô làm mẫu được gửi đến cũng được. Nhưng những người làm việc ở Leiden chẳng bao giờ gửi cho Cụ một cây lan sống, nhưng cuối cùng họ gửi đến cho Cụ một cái hoa chết ngâm trong rượu cồn.

“Ôi, thật là một việc làm đáng sợ,” đây mới chỉ là sự bắt đầu chuyện rắc rối của Gunnar với nhà cầm quyền. Sáu tháng trước khi tôi đến thăm Cụ, Bộ Môi Trường của Đan Mạch đã cố gắng khuyến khích Gunnar để cụ giao lại một cây lan của Thái Lan đã được gửi đến cho Cụ không có giấy phép. Gunnar nói với nhà cầm quyền rằng họ có thể mang Cụ ra tòa, nếu họ muốn lấy cây lan này. Sự việc này hiển nhiên dọa được những nhân viên trung cấp ở Bộ này vì Gunnar là bạn của Bộ Trưởng Bộ Môi trường. Ông này đã khẳng định là không thể nào khởi tố một người có địa vị lớn như Seidenfaden về vấn đề con con này được.

“Vì vậy người đứng đầu của Công Tố Viện nghĩ ra một giải pháp. Ông ta mời tôi đến ăn một bữa cơm trưa rất thịnh soạn ở văn phòng của ông ta, và sau khi ăn ông ta bảo tôi chỉ cần đưa cây lan cho nhà cầm quyền và họ sẽ bỏ qua hết, không còn kiện tụng gì nữa. Tôi nói với họ tôi sẵn sàng viết một lá thư thú tội, nói rằng tôi là một người đã vi phạm luật lệ và họ có thể lấy cây lan này nhưng với điều kiện họ phải gửi lại cho tôi để tôi nuôi nó một cách an toàn. Họ đồng ý như vậy, và tôi để cho họ tịch thu cây lan, và trả lại tôi vài ngày sau đó vì vậy tôi mới có thể chăm sóc cây lan đó cho đến khi ra hoa và quyết định đó là loại lan gì.”

Vào lúc này, câu chuyện về cây lan cấm của Seidenfaden đã bắt đầu được đăng trên những tờ báo ở địa phương. Khi Bộ Trưởng Bộ Môi Trường biết được chuyện này, ông ra lệnh là sự quấy nhiễu tiến sĩ Seidenfaden phải ngừng ngay tức khắc. Chẳng bao lâu Tiến Sĩ Seidenfaden lại được mời ăn trưa để bàn luận về việc này. Trong khi ông đang dùng cơm với họ, một “Nhà chuyên môn về lan” đã đến nhà kiếng trồng lan của Gunnar để lấy cây lan này. Gunnar suy đoán là người này muốn lấy cây lan để thủ tiêu, và nếu không có bằng chứng thì sẽ không có vấn đề kiện tụng gì hết. Thật là may mắn cho Gunnar, Cụ có một cô giúp việc rất lanh trí, cô này bảo “nhà chuyên môn về lan” rằng cô rất bận và nếu muốn người này phải tự đi tìm lấy một mình. Trong nhà có 2,000 đến 3,000 cây lan và “Nhà chuyên môn” này không cách nào tìm ra cây lan mà ông ta muốn tìm, mặc dù cây lan này được đặt ngay trên bàn làm việc trước mặt ông ta.

Khi Gunnar khám phá ra chuyện này, Cụ viết một kháng nghị thư cho Bộ Trưởng Bộ Môi Trường kết tội họ tìm cách giết cây lan này mà theo luật lệ họ đòi hỏi phải bảo vệ nó. Cụ cũng muốn biết tất cả những việc làm ngu xuẩn này làm được gì trong việc bảo vệ và giữ gìn những loại cây hiếm quý.

Cuối cùng Gunnar ký một thỏa ước với Bộ trưởng Bộ Môi Trường. Thỏa ước này cho Cụ có quyền được nhận những cây lan cho sự nghiên cứu khoa học. Thỏa ước giới hạn quyền sử dụng của Cụ với những cây lan và những cây lan này thuộc về tài sản của Bộ Môi Trường. Những cây này không được rời khỏi nhà Gunnar, không được gây giống thêm hoa và những phần khác của những cây lan này không được gửi đi cho những nhà khoa học khác với bất cứ mục đích gì.

“Họ dùng súng đại bác để giết vài con muỗi. Tất cả mọi chuyện xảy ra một cách lố bịch và tôi chịu thua chẳng muốn bàn cãi chuyện này với họ nữa. Tôi phải hứa với họ không được làm vài thứ nữa, nhưng tôi vẫn cứ làm. Nhà cầm quyền biết sự việc này, nhưng tờ thỏa ước được viết trên giấy trắng mực đen bắt họ phải để cho tôi yên và tôi chỉ cần có vậy. Tôi muốn những ngày cuối cùng của đời tôi được dùng để viết cho quyển sách về những loại lan ở Thái. Tôi muốn quyển sách này được hoàn thành vào ngày sinh nhật 90 của tôi. Thái Lan có hơn 1,200 giống lan và đây là việc tôi phải làm.”

Với lời kết luận này, Gunnar rót hết sạch chai rượu ngọt vào ly của Cự và ly của tôi. Chúng tôi nâng ly chúc mừng cho sự thành công của quyển sách có thể là quyển sách cuối cùng của đời Cự, và sau đó chúng tôi cạn ly, uống hết những giọt rượu màu vàng óng ả và ngọt ngào này.

Lúc này là 3 giờ sáng và tôi quyết định để Gunnar trở lại với công việc của Cự. Tôi bước ra ngoài, đi bộ trong khuôn viên, từ đó tôi tản bộ ra những cánh đồng tối đen. Nhìn lại vào tòa nhà, tôi có thể thấy Gunnar ở bàn giấy của Cự, phác họa, đánh máy, chăm chú nhìn vào kính hiển vi. Ở vào tuổi 88, Gunnar cảm thấy tự tin với sự may mắn, với sức khỏe tráng kiện, và không còn bị phá đám bởi nhà cầm quyền, Cự vẫn còn thì giờ để hoàn tất công việc của Cự. Xuyên qua cửa sổ, tôi ngắm Cự và hy vọng rằng thời gian này sẽ được dành riêng cho Cự.

CHÚ THÍCH

Chuyện gặp gỡ này không biết xảy ra vào thời gian nào, nhưng Orchid Fever xuất bản năm 2000. Khoa học gia Gunnar Seidenfaden sinh năm 1908 và mất năm 2001. Muốn biết Gunnar Seidenfaden có liên hệ gì với chúng ta, xin hãy xem bài Hoa Lan Việt Nam và các khoa học gia ngoại quốc.

